

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Hòa Bình Takara

Ngày 31/03/2025	33,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	14.2%	-

DT thuần Q1/25
11.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.70 -33.8%
YoY: ▲ 10.3 1456%

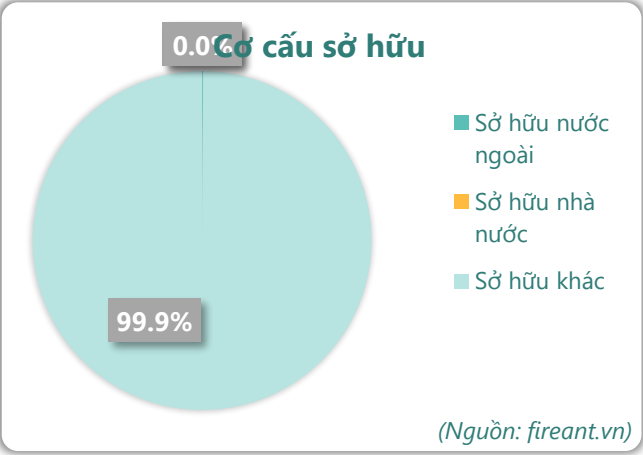
LN thuần Q1/25
0.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.01 -7.6%
YoY: ▲ 0.11 547%

LN sau thuế Q1/25
0.10
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.01 -6.0%
YoY: ▲ 0.08 417%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
1.2%
YoY: +/-▲ 0.3%

ROE (TTM) Q1/25
0.3%
YoY: +/-▲ 0.1%

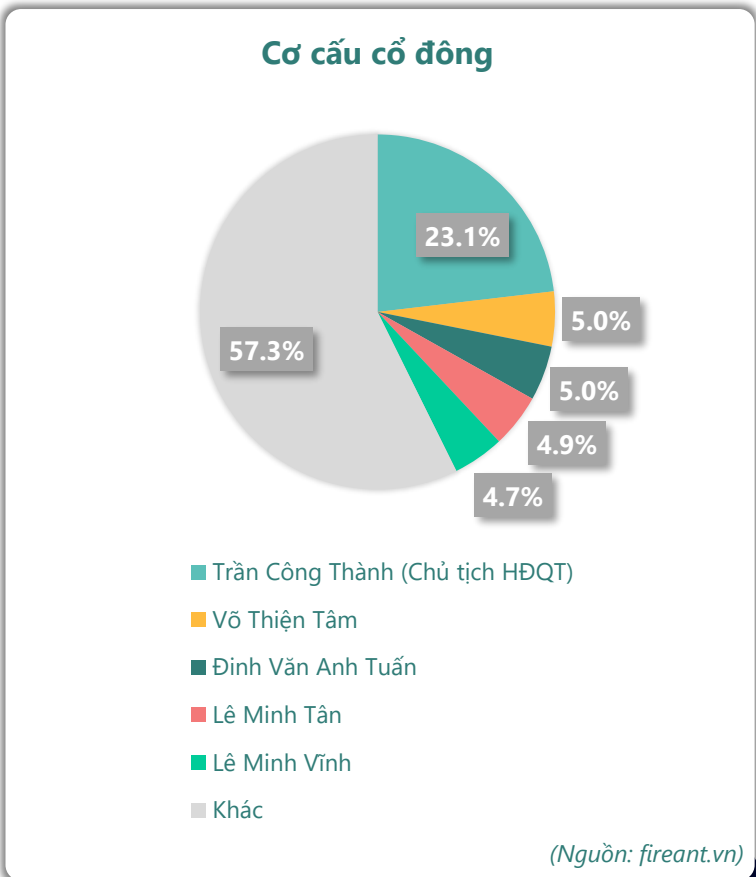
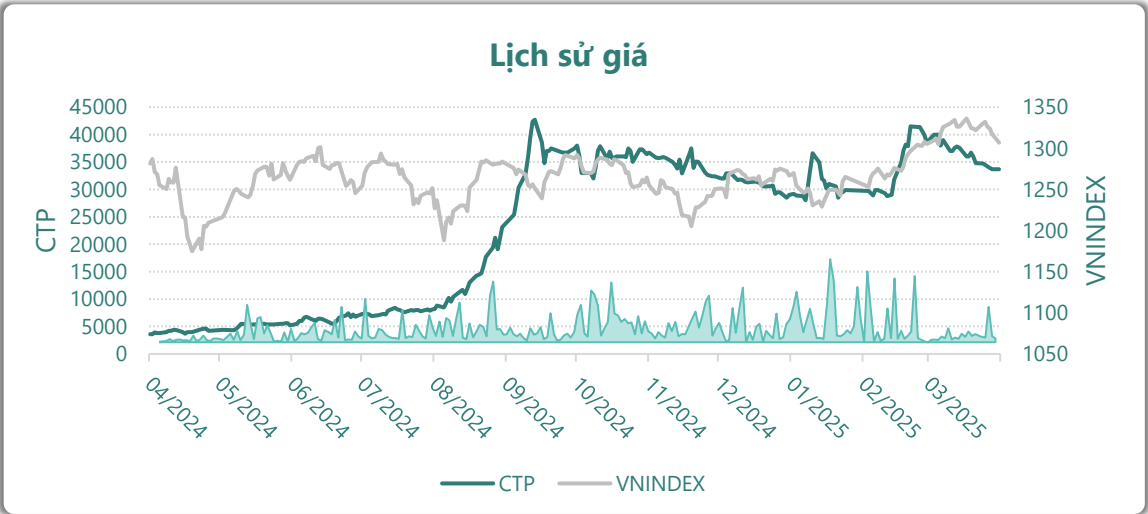
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,600 - 42,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	408
Số lượng CPLH (CP)	12,099,992
KLGD BQ 20 phiên (CP)	42,195
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.18
EPS	33
P/E	1016.9



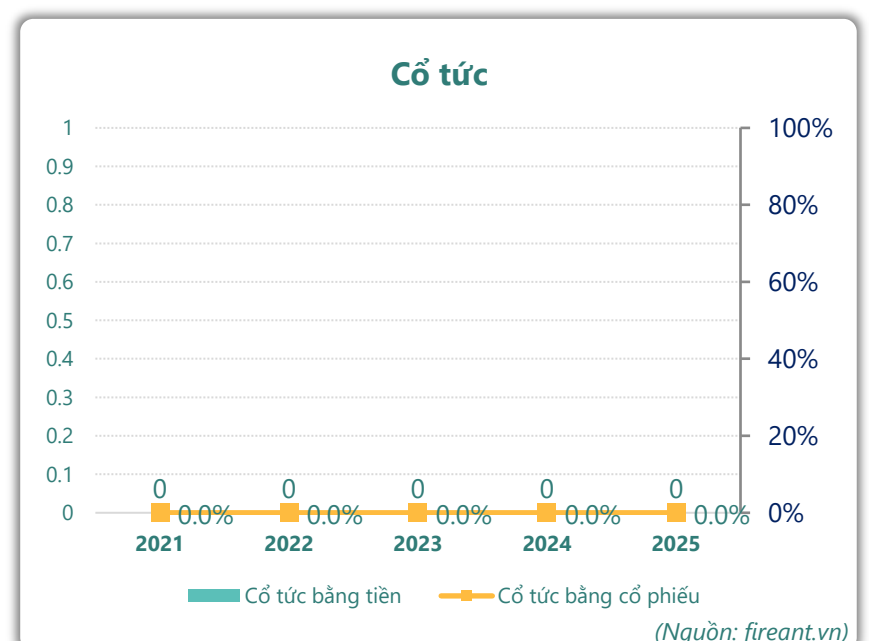
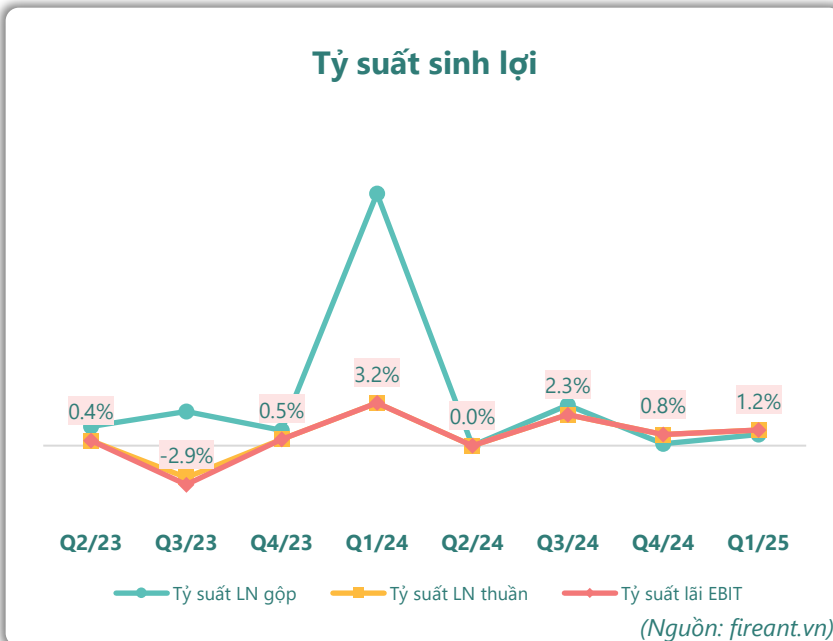
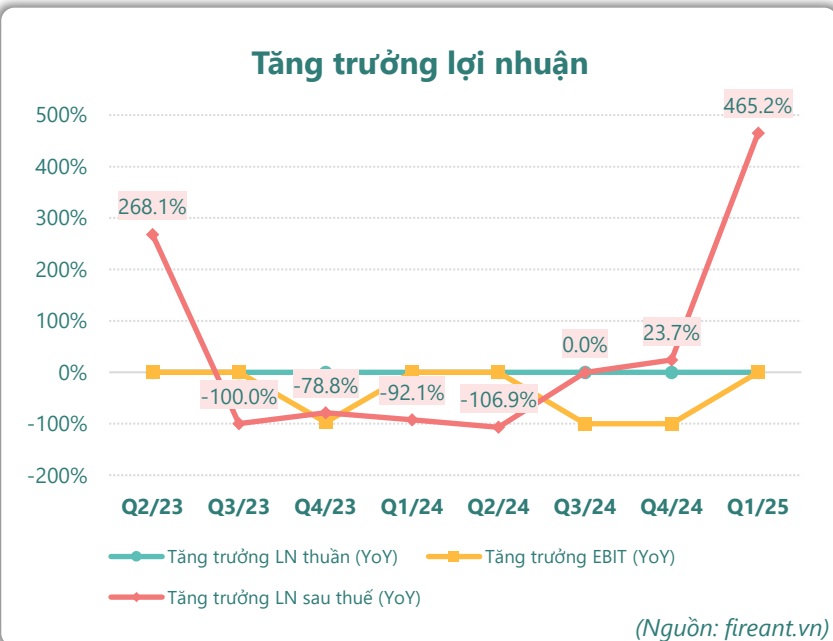
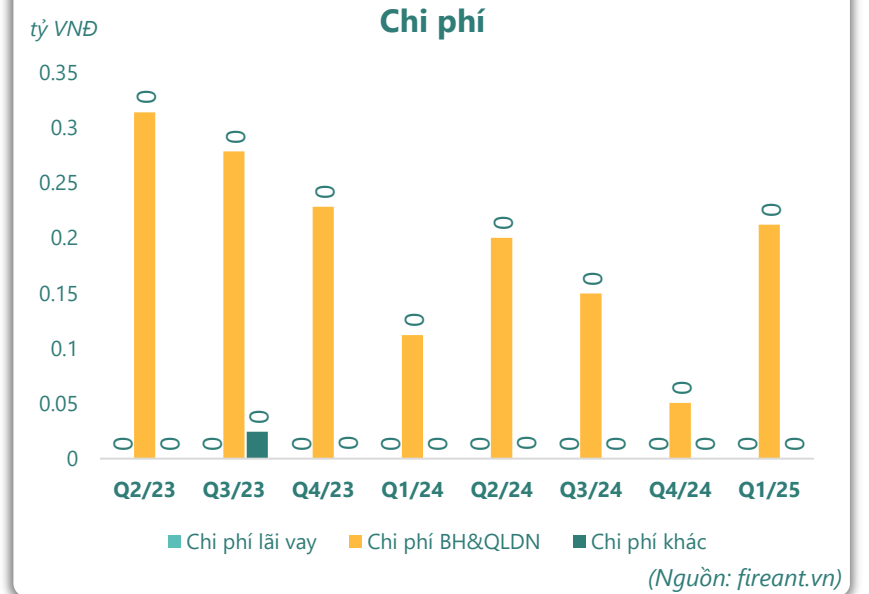
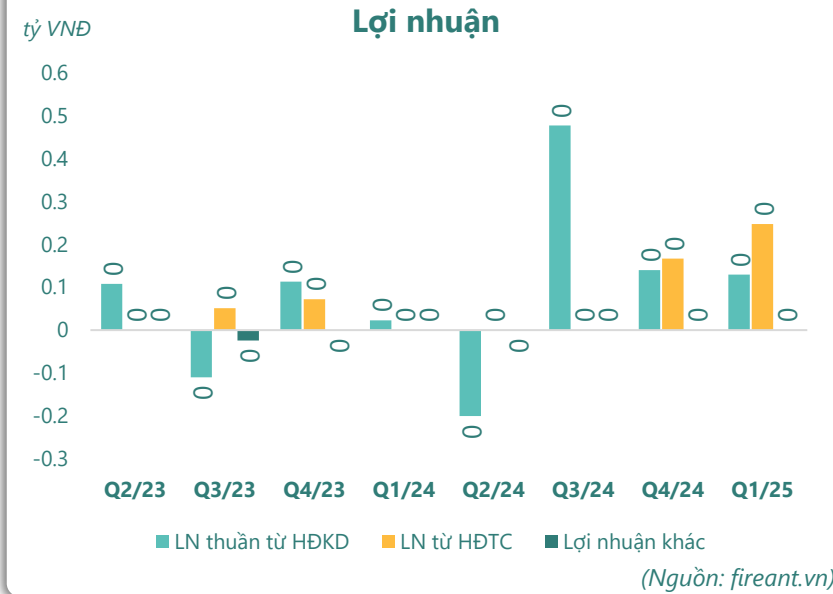
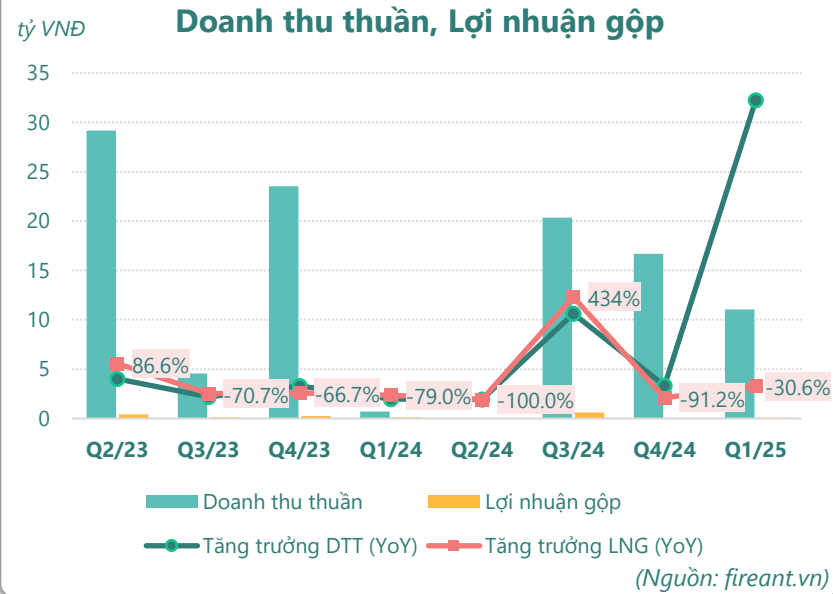
DT thuần 2024
37.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼50.4 -57.2%

LN thuần 2024
0.54
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.27 102%

LN sau thuế 2024
0.41
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.30 271%



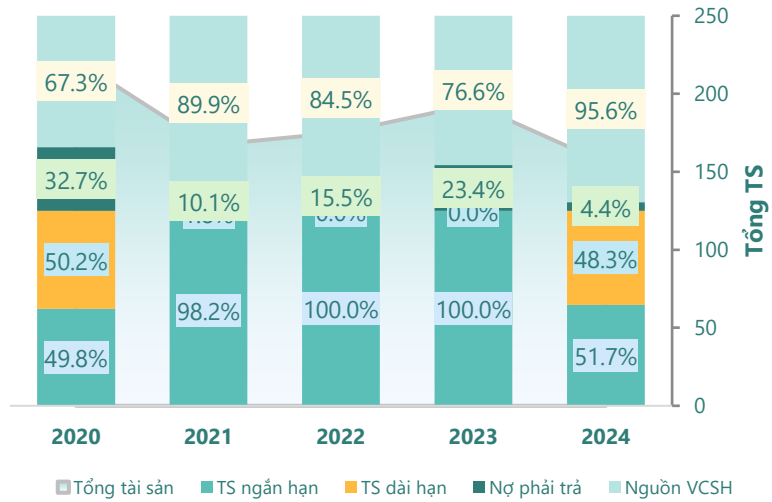
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

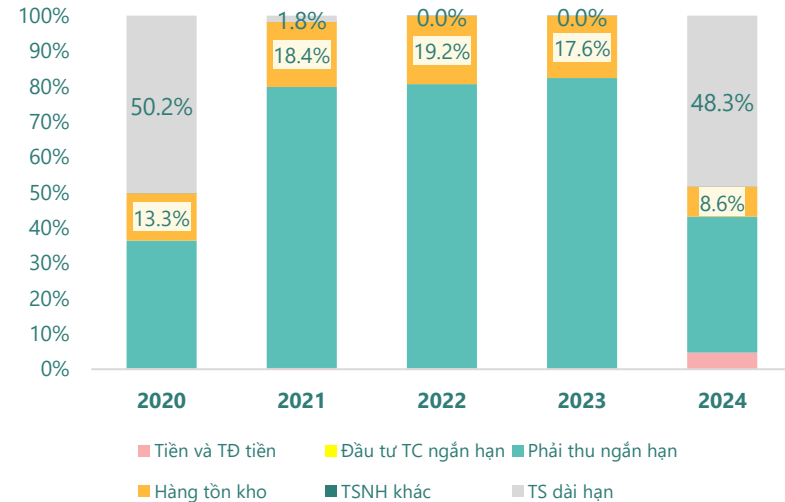
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

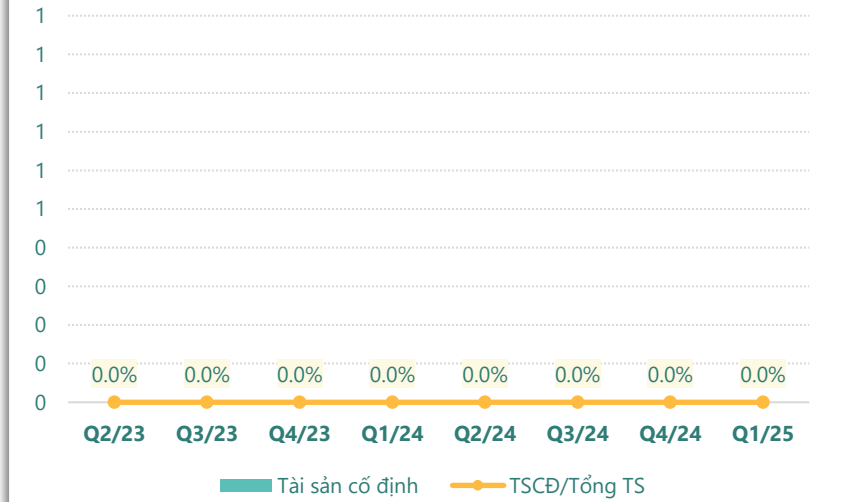
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

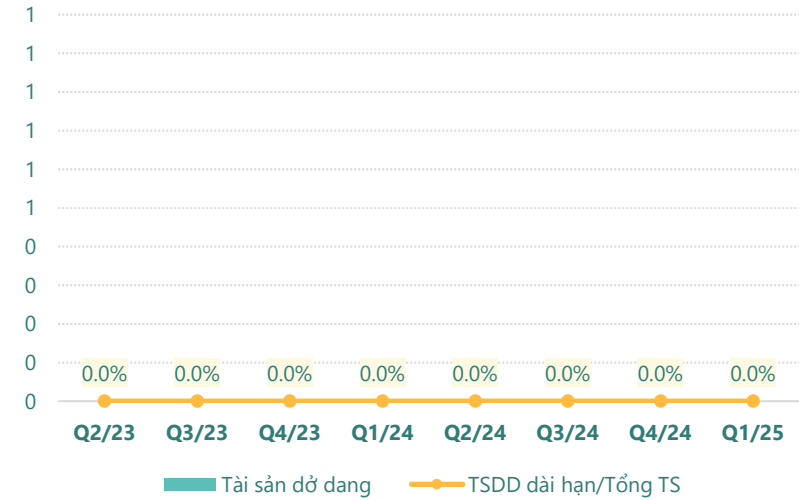
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

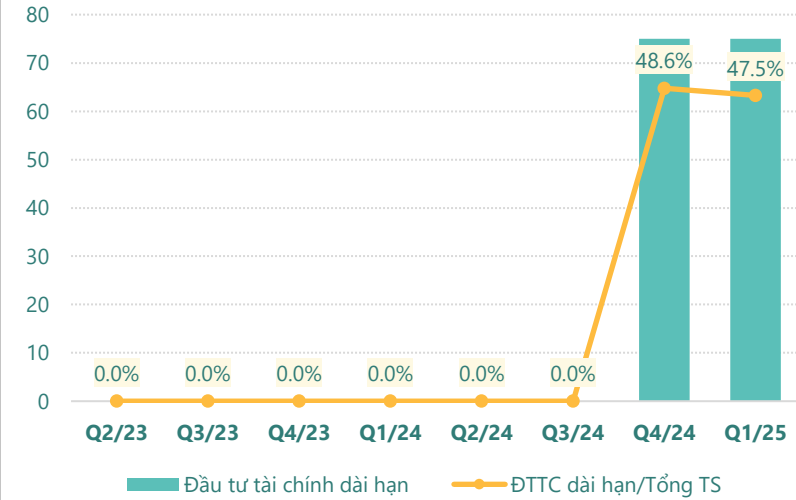
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

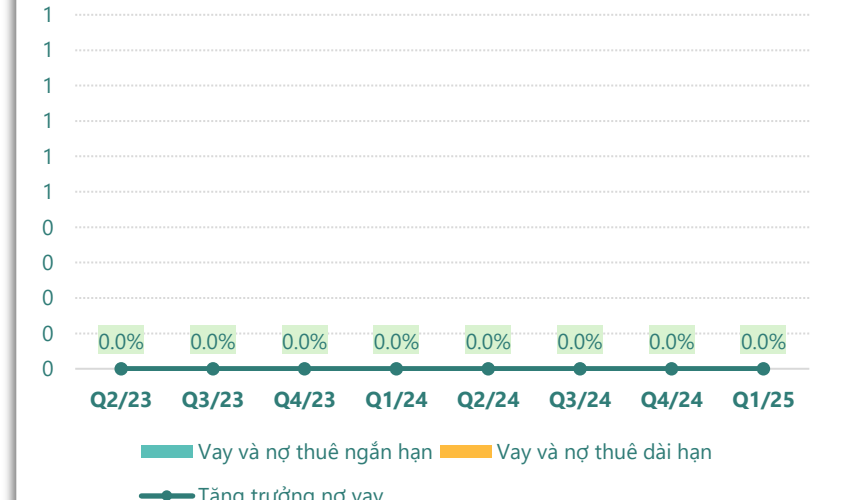
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

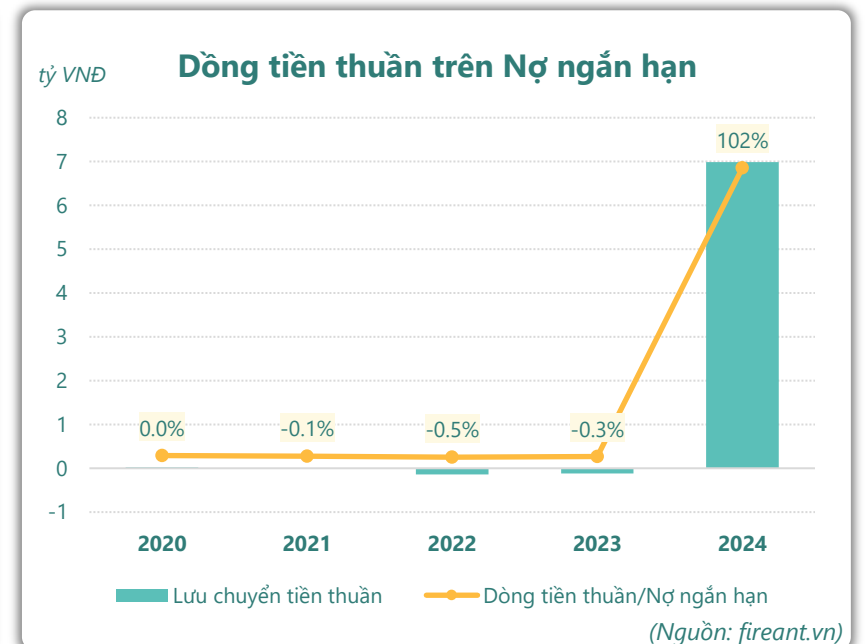
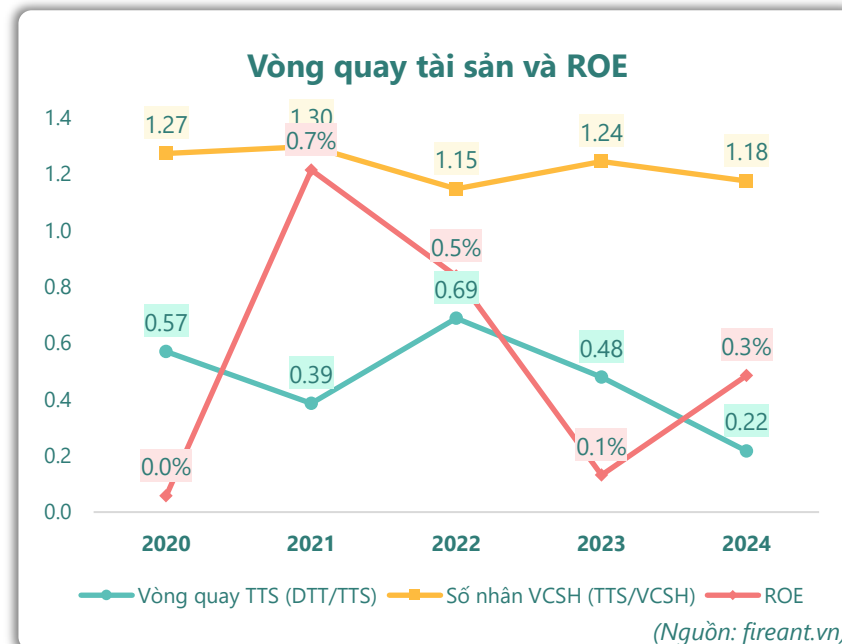
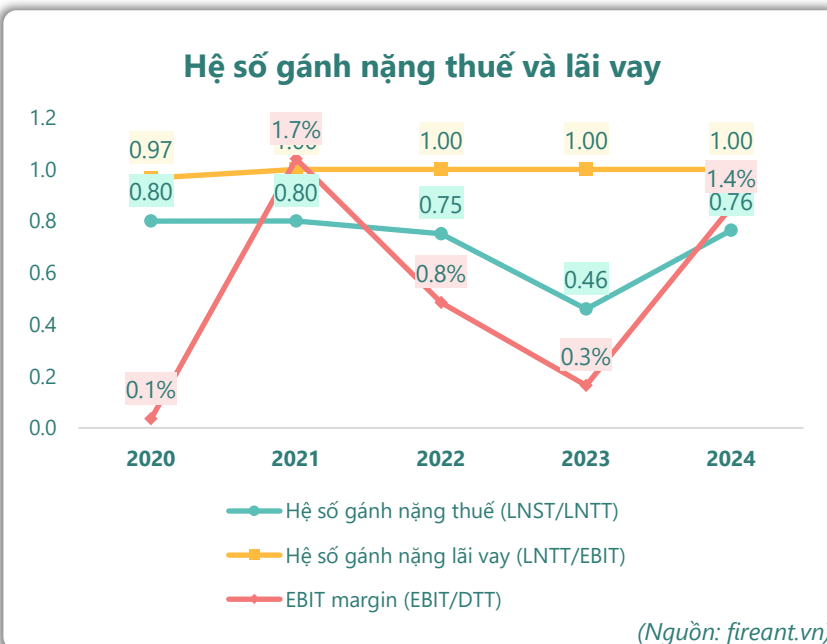
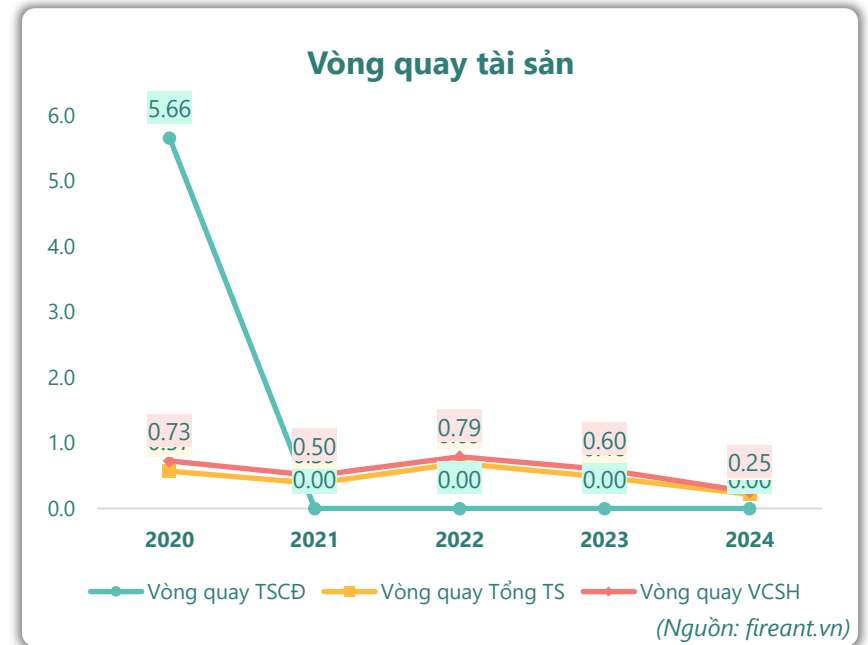
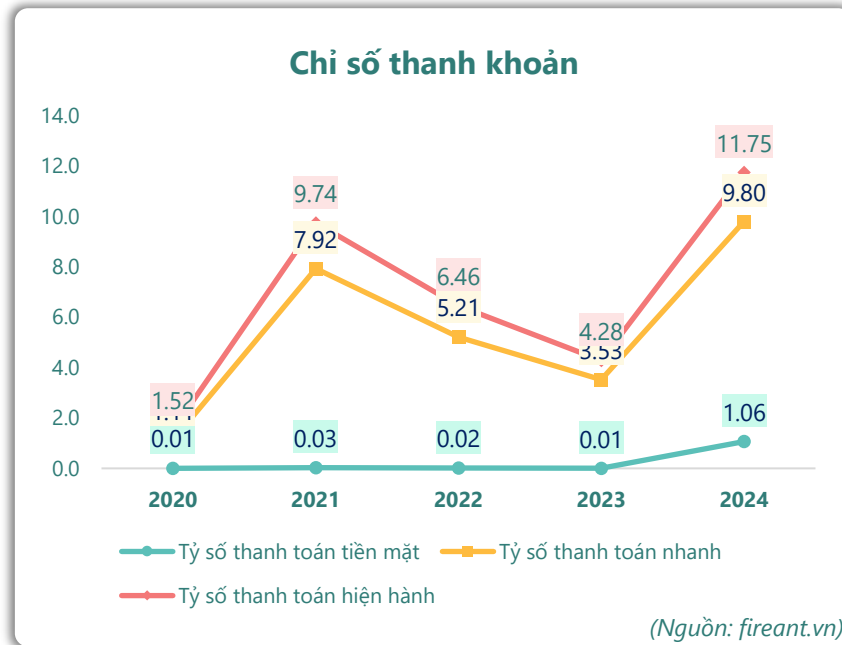
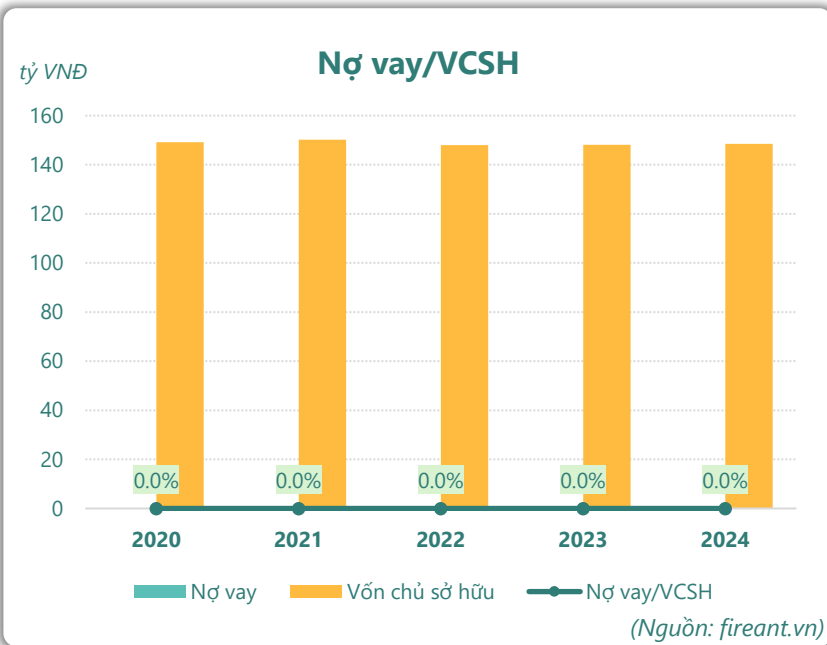
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	11.0	0.71	1456%	37.8	88.2	-57.2%
Giá vốn hàng bán	11.0	0.57	1822%	37.0	86.8	-57.4%
Lợi nhuận gộp	0.09	0.14	-33.1%	0.79	1.45	-45.9%
Doanh thu HĐTC	0.25	0.00		0.31	0.13	150%
Chi phí TC	0	0.00		0	0.00	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0.07	-100%
Chi phí QLDN	0.21	0.11	93.1%	0.56	1.24	-54.9%
LN thuần từ HĐKD	0.13	0.02	547%	0.54	0.27	102%
Lợi nhuận khác	0	0.00		0.00	-0.02	98.2%
LN trước thuế	0.13	0.02	547%	0.54	0.24	123%
Lợi nhuận sau thuế	0.10	0.02	417%	0.41	0.11	271%
LNST của CĐ cty mẹ	0.10	0.02	417%	0.41	0.11	271%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.04	2.50	0.67	76.2	2.57	9.11
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.07	0.00	0.00	-45.0	-30.0	-7.78
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.25	0.29	2.79	3.46	34.7	7.28
Lưu chuyển tiền thuần	0.04	2.50	0.67	31.2	-27.4	1.33
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.29	2.79	3.46	34.7	7.28	8.61

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	158	155	1.7%
Tài sản ngắn hạn	83.0	80.4	3.4%
Tiền và tương đương tiền	8.61	7.28	18.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	61.5	59.8	2.9%
Hàng tồn kho	12.9	13.3	-3.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	0.00	0.0%
Tài sản dài hạn	75.0	75.0	0.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	75.0	75.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.00	0.00	-33.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	9.43	6.84	37.8%
Nợ ngắn hạn	9.43	6.84	37.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.71	0.18	1394%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	149	149	0.1%
Vốn chủ sở hữu	149	149	0.1%
Vốn điều lệ	121	121	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

